

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **11/2020/DS – ST**

Ngày: 30/6/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2019/TLST – DS ngày 19/12/2019; Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST – DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST – DS ngày 27 tháng 5 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 16/2020/TB – TA ngày 03/6/2020 ; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lý Bình Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 10, đường Ng, khóm X, phường Y, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Loan P, sinh năm 1993 và ông Lý Phúc T, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: ấp S, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 175, đường L, ấp N, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI D V U Á N:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lý Bình D trình bày ý kiến:*

Ngày 07/5/2018, nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D có vay của Công ty Tài chính dùm cho bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 2,95%/tháng, thời gian vay 24 tháng, hình thức trả góp vốn và lãi mỗi tháng số tiền là 2.294.000 đồng cho đến khi xong khoản vay, việc vay tiền dùm giữa bà D với bà P không có làm giấy tờ gì. Sau khi vay tiền, bà P có thanh toán được cho bà D 08 tháng tiền vốn và lãi, tháng thứ 09 thì trả được số tiền là 1.294.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi bà P đã trả cho bà D là 19.646.000 đồng. Sau đó, bà P không tiếp tục thanh toán số tiền góp còn lại cho bà D, để bà D trả cho Công ty Tài Chính nên bà D phải vay tiền của người khác để trả khoản vay dùm của bà P cho Công ty Tài chính, tổng số tiền là 30.470.000 đồng, tính thêm tiền lãi đến thời điểm xét xử hôm nay là 35.410.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 26/7/2018 âm lịch bà D có hỏi vay dùm của người khác cho bà P số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, lãi suất thanh toán hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng. Tuy nhiên, đến hạn thỏa thuận trả tiền thì bà P không có tiền trả, chỉ trả được tiền lãi 04 tháng (2.500.000 đồng/tháng) và đến ngày 26/12/2018 thì trả được 30.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Nên bà D phải vay tiền của người khác để trả khoản tiền vay dùm cho bà P tổng cộng là 23.000.000 đồng (Tiền vốn vay còn lại 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng).

Tổng cộng hai khoản vay mà bà P còn nợ lại bà D chưa thanh toán tạm tính đến ngày khởi kiện là 60.374.000 đồng và tiền lãi tính tới ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất theo thỏa thuận là 2,95%/tháng, tổng cộng tiền vốn và lãi bà P phải thanh toán cho bà D là 64.270.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Lý Phúc T khi bà P vay tiền thì ông T không có cùng bà P thỏa thuận hoặc hỏi vay tiền của bà D nhưng do ông T là chồng của bà P và khoản nợ vay này hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu ông Lý Phúc T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà P trả khoản nợ vay nêu trên cho bà D. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng ông T không biết việc bà P vay tiền của bà D, cũng như việc bà P vay tiền để sử dụng mục đích cá nhân của bà P, không sử dụng cho mục đích chung của gia đình, nên phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Lý Phúc T, chỉ khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Loan P thanh toán các khoản vốn và lãi vay nêu trên với tổng số tiền là 64.270.000 đồng.

** Theo Biên bản hòa giải ngày 20/02/2020 tại Tòa án, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông Phan Văn P trình bày ý kiến:*

Đối với ông Lý Phúc T không có thỏa thuận vay tiền của bà Dương Thị Mỹ D, việc vợ ông T là bà Huỳnh Thị Loan P vay tiền của bà D thì ông T hoàn toàn không biết, nên đề nghị Tòa án không đưa ông T vào tham gia vụ án với tư cách là bị đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D đối với bà P thì bà P xác định chỉ có vay và còn nợ lại bà D số tiền 30.470.000 đồng nên đồng ý thanh toán khoản nợ này theo P trích tiền lương trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi xong khoản nợ. Ngoài ra, đối với các khoản nợ vay khác theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D thì bị đơn bà P không có vay, phía nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh bị đơn bà P có vay của bà D số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 26/7/2018 âm lịch, còn nợ lại 20.000.000 đồng, nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản vay này.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội D vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P, sau khi đối trừ số tiền vốn vay bà P đã trả được khoản vay 30.000.000 đồng là 11.681.000 đồng (08 tháng tiền vốn góp) và 09 tháng tiền lãi là 7.965.000 đồng, tổng cộng là 19.646.000 đồng, thì bị đơn bà P còn nợ lại bà D số tiền là 18.319.000 đồng và khoản tiền vốn vay thứ 2 là 20.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn bà P còn nợ lại nguyên đơn bà D số tiền là 38.319.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Lý Phúc T, việc rút yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đối với bị đơn ông Lý Phúc T theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Lý Phúc T và cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T là ông Phan Văn P cho rằng việc thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn bà D với bị đơn bà P không có liên quan đến ông T, cũng như ông T không biết việc bà P vay tiền của bà D nên yêu cầu Tòa án xác định ông Lý Phúc T không phải là bị đơn và không đưa tham gia tố tụng trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện...để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm”*. Trong vụ án này ông Lý Phúc T là người bị nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D khởi kiện, bà D cho rằng quyền lợi hợp pháp của bà bị vợ chồng ông T, bà P xâm phạm nên Tòa

án xác định ông Lý Phúc T là bị đơn trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T yêu cầu Tòa án xác định ông Lý Phúc T không phải là bị đơn trong vụ án là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Lý Phúc T. Xét thấy, việc rút yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đối với bị đơn ông Lý Phúc T theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chỉ xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P.

[2] Về nội D vụ án: Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D cho rằng có vay tiền của Công ty Tài chính và người khác dùm cho bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P, gồm có 02 khoản tiền, khoản vay thứ nhất là 30.000.000 đồng, khoản vay thứ hai là 50.000.000 đồng. Sau đó, bà P có trả được một khoản tiền vốn và lãi, còn nợ lại là 53.470.000 đồng (cụ thể: Khoản vay thứ nhất còn nợ lại vốn và lãi là 30.470.000 đồng; Khoản vay thứ hai còn nợ lại vốn và lãi 23.000.000 đồng) không chịu thanh toán, nên nguyên đơn bà D khởi kiện vợ chồng bà P, ông T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc trả khoản tiền vốn và lãi suất tiền vay theo thỏa thuận là 2,95%/tháng tính đến ngày xét xử tổng cộng là 64.270.000 đồng. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D cho rằng giữa bà với bị đơn Huỳnh Thị Loan P thỏa thuận, thống nhất bà D là người đứng ra vay tiền của Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam và của người khác dùm cho bà P. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà P không thừa nhận sự việc bà D là người đại diện đứng ra vay tiền dùm cho bà P, mà bà D là người trực tiếp cho bà P vay tiền. Phía nguyên đơn bà D cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc thỏa thuận đứng ra vay tiền dùm giữa nguyên đơn bà D với bị đơn bà P hoặc thỏa thuận vay tiền giữa 03 bên, bà D là người bảo lãnh hoặc người đại diện vay tiền cho bà P. Nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp ngày 07/6/2017 và các chứng từ thanh toán tiền trả góp hàng tháng (Từ bút lục số 26 đến 56 của Tòa án) thể hiện việc nguyên đơn bà D có vay của Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam số tiền 53.000.000 đồng, trả góp vốn và lãi mỗi tháng là 2.880.000 đồng. Nhưng theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà D xác định khoản vay 30.000.000 đồng trả góp giữa hai bên xác lập là ngày 07/5/2018, số tiền bị đơn bà P góp vốn và lãi hàng tháng là 2.294.000 đồng, thời gian của hai khoản vay xác lập giao dịch là hoàn toàn khác nhau. Cũng như đối với khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày 26/7/2018 âm lịch, nguyên đơn bà D cho rằng vay của người khác dùm cho bà P, lãi suất là 5%/tháng nhưng cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh có việc thỏa thuận giữa bà D với bà P là bà D đứng ra vay tiền dùm cho bà P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn để chấp nhận ý

kiến này của nguyên đơn bà D, mà xác định nguyên đơn bà D là người cho vay, còn bị đơn bà P là người vay.

[3.2] Đối với khoản vay ngày 07/5/2018, số tiền 30.000.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa bị đơn bà P, cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà P là ông Phan Văn P thừa nhận bà P có vay của nguyên đơn bà D số tiền góp 30.000.000 đồng và còn nợ lại khoản vay này số tiền vốn và lãi chưa góp là 30.470.000 đồng và xin trả dần theo P thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Xét thấy, đây là những tình tiết sự thật không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ý kiến trình bày của hai bên xác định, đối với khoản vay 30.000.000 đồng tiền góp này thì bị đơn bà P đã thanh toán cho nguyên đơn bà D số tiền vốn và lãi là 19.646.000 đồng (Tiền góp vốn và lãi là 2.294.000 đồng/tháng x 08 tháng và tháng thứ 09 góp được số tiền 1.294.000 đồng), lãi suất là 2,95%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật dân sự về lãi suất nên Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật và cũng như đối trừ số tiền vốn bị đơn bà P đã thanh toán cho nguyên đơn bà D 08 tháng, cụ thể như sau:

- Tiền lãi đã thanh toán là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 2,95\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 7.965.000 \text{ đồng}$.

- Tiền vốn đã thanh toán: Tiền vốn, lãi đã trả là 19.646.000 đồng – tiền lãi 7.965.000 đồng = 11.681.000 đồng (tiền vốn).

- Tiền vốn của khoản vay góp 30.000.000 đồng bị đơn còn nợ lại nguyên đơn: $30.000.000 \text{ đồng} - 11.681.000 \text{ đồng} = 18.319.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 08/01/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/6/2020): $18.319.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} 05 \text{ tháng} 22 \text{ ngày}$ (Từ ngày 08/01/2019 – 30/6/2020) = 5.414.280 đồng.

Tổng tiền vốn và lãi: $18.319.000 \text{ đồng} + 5.414.281 \text{ đồng} = 23.733.280 \text{ đồng}$.

[3.3] Đối với khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày 26/7/2018 âm lịch (dương lịch là ngày 05/9/2018): Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn P không thừa nhận bị đơn bà P có vay của nguyên đơn khoản vay 50.000.000 đồng này. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện như Biên bản giải quyết nợ của giáo viên với giáo viên ngày 05/8/2019 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Phú Tâm B (nơi nguyên đơn và bị đơn làm việc), Tờ TƯỜNG Trình của bà Huỳnh Thị Loan P gửi Ban giám hiệu, Công Đoàn Trường Tiểu học Phú Tâm B (không ghi ngày tháng năm) (Bút lục số 23 – 24), Biên bản ngày 16/9/2019 của Công đoàn cơ sở Phú Tâm B và các biên bản xác minh của Tòa án ngày 10/3/2020 thể hiện nội D bị đơn bà P thừa nhận có mượn bà D 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng (lần mượn 10.000.000 đồng, lần mượn 40.000.000 đồng) và đã trả được số tiền 30.000.000 đồng vốn vay, còn lại 20.000.000 đồng. Những nội D này bị đơn bà P thừa nhận khi giải quyết tranh chấp giữa các đương sự tại Công đoàn Trường Tiểu học Phú Tâm B hoàn toàn phù hợp với nội D đơn khởi

kiện, lời khai của nguyên đơn vào ngày 11/3/2020 tại Tòa án là: “*Nguyên đơn bà D có hỏi vay dùm cho bị đơn bà P số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng, bà P đã trả được số tiền vốn 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng*”. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D đối với khoản vay này bị đơn bà P còn nợ lại số tiền vốn vay 20.000.000 đồng là có căn cứ, để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu của phía nguyên đơn về lãi suất là 2,95%/tháng theo thỏa thuận của hai bên khi vay tiền là cao hơn so với quy định của pháp luật dân sự về lãi suất nên Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật và không chấp nhận phần yêu cầu tính số tiền lãi 3.000.000 đồng của nguyên đơn bà D của khoản vay này, mà theo nguyên đơn bà D trình bày phải trả lãi thay cho bị đơn bà P, cụ thể tiền lãi suất được tính lại như sau:

- Tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 06/01/2019 (trừ thời gian 04 tháng tiền lãi từ ngày 05/9/2018, theo nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả lãi được 04 tháng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/6/2020): 20.000.000 đồng x lãi suất 20%/năm x 01 năm 05 tháng 24 ngày = 5.933.332 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 20.000.000 đồng + 5.933.332 đồng = 25.933.332 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi vay tính đến thời điểm xét xử của hai khoản vay bị đơn bà P còn nợ lại nguyên đơn bà D là: 23.733.280 đồng + 25.933.332 đồng = 49.666.612 đồng.

Do đó, nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P, thanh toán số tiền vốn và lãi vay là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D số tiền vốn vay và lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là: 49.666.612 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[4.1] Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D phải chịu án phí do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, tương ứng: (64.270.000 đồng – 49.666.612 đồng) x 5% = 730.169 đồng. Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.510.000 đồng được đối trừ vào số tiền án phí phải nộp, còn lại số tiền 779.830 đồng được hoàn trả lại.

[4.2] Bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền án phí phải nộp là 2.483.330 đồng.

[5] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn và lãi suất tiền vay.

2. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D số tiền vốn và lãi suất tiền vay tổng cộng 49.666.612 đồng (*Bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm mười hai đồng*).

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đối với bị đơn ông Huỳnh Phúc T về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn và lãi suất tiền vay.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, số tiền là 730.169 đồng. Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.510.000 đồng theo biên lai thu số 0001203 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được đối trừ vào số tiền án phí phải nộp, còn lại số tiền 779.830 đồng được hoàn trả lại.

4.2. Bị đơn bà Huỳnh Thị Loan P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền án phí phải nộp là 2.483.330 đồng.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha